

CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH  
★★★

Số: 36/2021/KPF/CBTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
☪★☪

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2021

## CÔNG BỐ THÔNG TIN

V/v Báo cáo tài chính Riêng Giữa niên độ năm 2021 (Đã được soát xét)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh;  
- Quý Cổ đông.

### A. THÔNG TIN CÔNG TY

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH
- Mã chứng khoán: KPF
- Mã số thuế: 0103930374
- Địa chỉ trụ sở chính: 20-22-24 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: 0934981818

### B. NỘI DUNG THÔNG TIN CÔNG BỐ

1. Loại thông tin công bố  Định kỳ  Bất thường  Theo yêu cầu

2. Nội dung thông tin công bố

Báo cáo tài chính Riêng Giữa niên độ năm 2021 của Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 (Đã được soát xét).


Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Đầu tư tài chính Hoàng Minh vào ngày 10/08/2021 tại đường link Website của Công ty: <http://www.kpf.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Tổng Giám đốc  
  
Đinh Kim Nhung

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

## **NỘI DUNG**

	Trang
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	2 – 4
<b>Báo cáo soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ</b>	5 – 6
<b>Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét:</b>	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	7 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 – 33

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) (được đổi tên từ Công ty Cổ phần tư vấn dự án Quốc tế KPF từ ngày 08 tháng 06 năm 2017) thành lập và hoạt động theo Mã số doanh nghiệp số 0103930374 đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 06 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty có 12 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 12 ngày 14 tháng 4 năm 2021.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOANGMINH FINANCE INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: HM FINANCE INVEST .,JSC.

Trụ sở chính của Công ty tại: 20-22-24 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Vốn điều lệ của Công ty:** Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 579.689.330.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm bảy chín tỷ, sáu trăm tám chín triệu, ba trăm ba mươi ngàn đồng). Tương đương với 57.968.933 cổ phần mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

**Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Ông Lê Thanh Bình	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 28/4/2021
Ông Lê Anh Đức	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 28/04/2021
Bà Đinh Kim Nhung	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 31/3/2020
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên HĐQT độc lập	Bổ nhiệm ngày 31/3/2020
Bà Lê Thị Mộng Đào	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 31/3/2020
Bà Phạm Nguyễn Thoa	Thành viên HĐQT độc lập	Bổ nhiệm ngày 28/4/2021
Ông Nguyễn Viết Tuấn	Thành viên HĐQT độc lập	Miễn nhiệm ngày 28/4/2021

**Các thành viên Ban Kiểm soát công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Bà Lâm Thị Mỹ Hà	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Lê Đình Minh Hiếu	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Trần Thị Lý	Thành viên Ban kiểm soát

**Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Bà Đinh Kim Nhung	Tổng Giám đốc
-------------------	---------------

**Người đại diện trước pháp luật của Công ty: Bà Đinh Kim Nhung**

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Hoàng Minh đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng có lợi ích công chúng khác theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH

20-22-24 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;

- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho kỳ kế toán tiếp theo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

### Cam kết khác

Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ Công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2021

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Đinh Kim Nhung



Số 363/BCKT/TC

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT** **THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021  
của Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh*

**Kính gửi:**

Quý cổ đông  
Hội đồng Quản trị  
Ban Tổng Giám đốc  
Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh

Chúng tôi Công ty TNHH Kiểm toán TTP, đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh được lập ngày 10 tháng 08 năm 2021 gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 được trình bày từ trang 07 đến trang 33 kèm theo.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và

các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2021 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

*Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2021*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP**

**Phó Tổng Giám đốc**



**Lê Phương Anh**

*Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán*

*Số: 0739 -2018 -133 -1*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>268.762.764.645</b>	<b>73.354.306.048</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>3.036.317.130</b>	<b>2.497.486.608</b>
111	1. Tiền		1.036.317.130	2.497.486.608
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.000.000.000	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>265.726.447.515</b>	<b>70.504.670.447</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	12.002.931.236	2.200.000.000
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	1.700.600.162	3.036.037.386
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	117.711.871.355	60.561.337.286
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7a	134.311.044.762	4.707.295.775
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>-</b>	<b>352.148.993</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	352.148.993
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>438.727.542.584</b>	<b>159.633.659.889</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>133.705.600</b>	<b>-</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7b	133.705.600	-
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>93.836.984</b>	<b>127.681.394</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	42.848.091	70.192.503
222	- Nguyên giá		253.236.364	253.236.364
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(210.388.273)	(183.043.861)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	50.988.893	57.488.891
228	- Nguyên giá		65.000.000	65.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(14.011.107)	(7.511.109)
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>10</b>	<b>438.500.000.000</b>	<b>159.500.000.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		433.500.000.000	139.500.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	20.000.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.000.000.000	-
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>-</b>	<b>5.978.495</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	5.978.495
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>707.490.307.229</b>	<b>232.987.965.937</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021**  
(Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
300	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>11.623.159.639</b>	<b>5.412.893.872</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>11.623.159.639</b>	<b>5.412.893.872</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	3.636.089.734	4.516.750.278
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	7.775.512.034	694.741.653
314	4. Phải trả người lao động		193.726.871	201.401.941
319	5. Phải trả ngắn hạn khác		17.831.000	-
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		-	-
400	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>695.867.147.590</b>	<b>227.575.072.065</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	14	<b>695.867.147.590</b>	<b>227.575.072.065</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		579.689.330.000	180.178.960.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		579.689.330.000	180.178.960.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		42.036.500.000	(30.000.000)
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		74.141.317.590	47.426.112.065
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ		29.408.662.065	19.833.860.137
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		44.732.655.525	27.592.251.928
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>707.490.307.229</b>	<b>232.987.965.937</b>

Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Đặng Quốc Thái

Phan Vũ Thanh

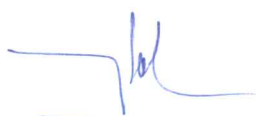
Đinh Kim Nhung

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**6 tháng đầu năm 2021**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Kỳ này	Kỳ trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15	25.000.000.000	-
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-
02b	- Hàng bán bị trả lại		-	-
02c	- Giảm giá hàng bán		-	-
02d	- Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu và thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)		25.000.000.000	-
11	4. Giá vốn hàng bán		-	-
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		25.000.000.000	-
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	16	28.499.885.696	18.270.321.761
22	7. Chi phí tài chính	17	168.000.000	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
24	8. Chi phí bán hàng		-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	2.869.913.475	2.569.425.740
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}		50.461.972.221	15.700.896.021
31	11. Thu nhập khác		9.900	-
32	12. Chi phí khác		209	397.306
40	13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		9.691	(397.306)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		50.461.981.912	15.700.498.715
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	19	5.729.326.387	-
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		44.732.655.525	15.700.498.715

Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2021

Người lập biểu



Đặng Quốc Thái

Kế toán trưởng



Phan Vũ Thanh

Tổng Giám đốc



Đinh Kim Nhung

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Phương pháp gián tiếp  
6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Kỳ này	Kỳ trước
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>50.461.981.912</b>	<b>15.700.498.715</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>	<b>(24.716.041.286)</b>	<b>(18.231.956.240)</b>
02	- Khấu hao tài sản cố định	33.844.410	38.365.521
05	- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(24.749.885.696)	(18.270.321.761)
08	<b>3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>25.745.940.626</b>	<b>(2.531.457.525)</b>
09	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	(134.178.278.567)	1.052.707.751
11	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	1.157.621.928	(1.410.642.111)
12	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	5.978.495	86.597.413
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(676.682.548)	-
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(107.945.420.066)</b>	<b>(2.802.794.472)</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	-	(65.000.000)
23	3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(78.250.000.000)	(39.800.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	21.099.465.931	11.482.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(294.000.000.000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15.000.000.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	21.075.364.657	30.362.093.306
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(315.075.169.412)</b>	<b>1.979.093.306</b>
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	423.559.420.000	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	423.559.420.000	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	538.830.522	(823.701.166)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	<u>2.497.486.608</u>	<u>1.145.943.803</u>
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	<u>3.036.317.130</u>	<u>322.242.637</u>

Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2021

Người lập biểu



Đặng Quốc Thái

Kế toán trưởng



Phan Vũ Thanh

Tổng Giám đốc



Đinh Kim Nhung

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

*Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021*

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng  
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)*

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### **Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) (được đổi tên từ Công ty Cổ phần tư vấn dự án Quốc tế KPF từ ngày 08 tháng 06 năm 2017) thành lập và hoạt động theo Mã số doanh nghiệp số 0103930374 đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 06 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty có 12 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 12 ngày 14 tháng 4 năm 2021.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOANGMINH FINANCE INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: HM FINANCE INVEST .,JSC.

Trụ sở chính của Công ty tại: 20-22-24 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Vốn điều lệ của Công ty:** Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 579.689.330.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm bảy chín tỷ, sáu trăm tám chín triệu, ba trăm ba mươi ngàn đồng). Tương đương với 57.968.933 cổ phần mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Số cán bộ công nhân viên: 5 người

#### **Lĩnh vực kinh doanh:**

Tư vấn, xây dựng, kinh doanh bất động sản và buôn bán hàng hóa.

#### **Ngành nghề kinh doanh:**

Hoạt động chính của công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Hoàn thiện các công trình xây dựng;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Sản xuất vật liệu từ đất sét: Sản phẩm gạch tuynel;

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;

## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3. Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Giá trị của cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán, đối với cổ phiếu chưa niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM, đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh

toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.7. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Thiết bị văn phòng	03 – 05 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	03 năm
- Phần mềm quản lý	05 năm

## 2.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

## 2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## 2.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).



Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.12. Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## 2.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

## 2.14. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

### *a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

### *b. Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

### *c. Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành*

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác: giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của kỳ tính thuế TNDN năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng.

## 2.16. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;

- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phân quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

<b>3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt tại quỹ	874.160.669	1.716.119.665
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	162.156.461	781.366.943
Các khoản tương đương tiền	2.000.000.000	-
<i>Tiền gửi tại ACB có kỳ hạn &lt;3 tháng</i>	<i>2.000.000.000</i>	-
	<b>3.036.317.130</b>	<b>2.497.486.608</b>

<b>4. PHẢI THU KHÁCH HÀNG</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>		
Công Ty Cổ Phần TTC Deluxe Sài Gòn	-	2.200.000.000
Công Ty TNHH Đầu Tư Central Capital	12.000.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm	2.931.236	-
	<b>12.002.931.236</b>	<b>2.200.000.000</b>

<b>b. Số dư các bên liên quan</b>	<b>Bên liên quan</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công Ty Cổ Phần TTC Deluxe SG	Công ty con từ tháng 4/2021	-	2.200.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm	Công ty con	2.931.236	-

<b>5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty CP Tập Đoàn Bắc Đô	645.586.402	1.145.586.402
Công ty TNHH The Alcove Library Hotel	1.043.813.760	-
Công ty CP Sản xuất và Thương mại An Phú Hưng	-	1.068.551.984
Công ty CP Khoan Đa Dụng- Xử Lý Nước Nam Sơn Thắng	-	746.897.000
Các khách hàng khác	11.200.000	75.002.000
<b>Cộng</b>	<b>1.700.600.162</b>	<b>3.036.037.386</b>

**6. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Thương Mại và Du Lịch Song Nam	8.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH New World Capital	22.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Công ty TNHH A Type Machine	17.461.871.355	-	21.995.000.000	-
Công ty TNHH Đầu Tư và Kinh Doanh Bất Động Sản Sakiland	12.000.000.000	-	12.000.000.000	-
Công Ty TNHH Đầu Tư Phúc Hậu	25.800.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm	32.450.000.000	-	3.566.337.286	-
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Viễn Thông Minh Vi	-	-	13.000.000.000	-
	<b>117.711.871.355</b>	<b>0</b>	<b>60.561.337.286</b>	<b>0</b>

Đây là các khoản cho vay tạm thời khi vốn nhàn rỗi. Thời gian cho vay: 12 tháng kể từ ngày cho vay, lãi suất cho vay là 5% đến 10%/ năm.

**b. Số dư với các bên liên quan**

	Mối quan hệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
		VND	VND
Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm	Công ty con	32.450.000.000	3.566.337.286
		-	-

**7. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>134.311.044.762</b>		<b>4.707.295.775</b>	-
Công Ty TNHH Đầu Tư Central Capital (*)	130.000.000.000	-	-	-
Lãi cho vay	3.832.105.642	-	3.674.521.039	-
Khác	478.939.120	-	1.032.774.736	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>133.705.600</b>			
Ký quỹ, ký cược dài hạn	133.705.600	-	-	-
	<b>134.444.750.362</b>	<b>-</b>	<b>4.707.295.775</b>	<b>-</b>

(\*) Đây là khoản phải thu công ty TNHH Đầu tư Central Capital về Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng hợp tác thực hiện dự án Khu nhà phức hợp và nhà ở Phước lợi theo Hợp đồng số 0906/2021/HĐCN/KPF-CC ngày 9/6/2021.

**c. Số dư với các bên liên quan**

		Số cuối kỳ	Số đầu năm
		VND	VND
Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm	Công ty con	449.760.274	1.900.534.069

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Khoản mục	Dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Đơn vị tính: VND
			Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>			
Số dư đầu kỳ	205.936.364	47.300.000	253.236.364
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	205.936.364	47.300.000	253.236.364
<b>Hao mòn TSCĐ</b>			
Số dư đầu kỳ	144.740.237	38.303.624	183.043.861
Số tăng trong kỳ	19.461.078	7.883.334	27.344.412
- Trích khấu hao trong kỳ	19.461.078	7.883.334	27.344.412
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	164.201.315	46.186.958	210.388.273
<b>Giá trị còn lại</b>			0
Số đầu kỳ	61.196.127	8.996.376	70.192.503
Số cuối kỳ	41.735.049	1.113.042	42.848.091

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đang thế chấp các khoản vay: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 80.800.000 VND

## 9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Phần mềm	Cộng
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số đầu kỳ	65.000.000	65.000.000
Số tăng trong kỳ	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>65.000.000</b>	<b>65.000.000</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số đầu kỳ	7.511.109	7.511.109
Số tăng trong kỳ	6.499.998	6.499.998
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	6.499.998	6.499.998
Số giảm trong kỳ	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>14.011.107</b>	<b>14.011.107</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu kỳ	57.488.891	57.488.891
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>50.988.893</b>	<b>50.988.893</b>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đang thế chấp các khoản vay: 0 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 0 VND

**10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Công ty	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc		Giá trị hợp lý (*)
<b>Đầu tư góp vốn vào công ty con</b>	<b>433.500.000.000</b>	-	-	<b>139.500.000.000</b>	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm	139.500.000.000	-	-	139.500.000.000	-	-
Công Ty Cổ phần TTC Deluxe Sài Gòn	294.000.000.000	-	-	-	-	-
<b>Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết</b>	<b>-</b>	-	-	<b>20.000.000.000</b>	-	-
Quỹ Đầu Tư Giá Trị Việt Nam	-	-	-	20.000.000.000	-	-
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>5.000.000.000</b>	-	-	-	-	-
Quỹ Đầu Tư Giá Trị Việt Nam	5.000.000.000	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>438.500.000.000</b>	-	-	<b>159.500.000.000</b>	-	-

(\*) Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH**

20-22-24 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/06/2021

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư tại ngày 30/6/2021 như sau:

Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm (1)	Lô D14C - Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh, xã Cam Hải Đông, Huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa	93,00%	93,00%	- Xây dựng nhà các loại; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật; Hoàn thiện công trình xây dựng; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
Công Ty Cổ Phần TTC Deluxe Sài Gòn	Số 20-22-24 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	98,00%	98,00%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Quý Đầu tư Giá trị Việt Nam (VVIF2020) (2)	Tầng 6, Trung tâm Thương mại Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	10,00%	10,00%	Đầu tư chứng khoán

(\*) Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm hiện nay là Chủ đầu tư khu Prime Resort với diện tích 13ha tại Lô D14C - Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh, xã Cam Hải Đông, Huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

(\*\*) Quý Đầu tư Giá trị Việt Nam là quỹ thành viên của Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam đã được UBCK Nhà nước xác lập quỹ thành viên tại Thông báo số 455TT-UBCK ngày 31 tháng 12 năm 2020 với các thông tin sau:

- Vốn điều lệ Quý: 50 tỷ đồng
- Thời gian hoạt động của Quý: 05 năm từ ngày 31/12/2020.

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Mạnh Quân	2.313.178.000	2.313.178.000	2.813.178.000	2.813.178.000
Các khách hàng khác	1.322.911.734	1.322.911.734	1.703.572.278	1.703.572.278
	<b>3.636.089.734</b>	<b>3.636.089.734</b>	<b>4.516.750.278</b>	<b>4.516.750.278</b>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm				Số cuối năm				Đơn vị tính: VND
	Số đầu năm		Số phát sinh		Số cuối năm		Số cuối năm		
	Số phải trả	Số phải nộp	Số phát sinh	Số phải nộp	Số phải trả	Số phải nộp	Số phải trả	Số phải nộp	
Thuế Giá trị gia tăng đầu ra	-	2.031.059.908	-	-	2.031.059.908	-	-	2.031.059.908	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	5.729.326.387	676.682.548	676.682.548	5.729.326.387	-	-	5.729.326.387	
Thuế Thu nhập cá nhân	-	144.381.121	147.314.487	147.314.487	144.381.121	-	-	15.125.739	
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>7.904.767.416</b>	<b>823.997.035</b>	<b>823.997.035</b>	<b>7.904.767.416</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>7.775.512.034</b>	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH**

20-22-24 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/06/2021**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>180.178.960.000</b>	<b>(30.000.000)</b>	<b>19.833.860.137</b>	<b>199.982.820.137</b>
- Lãi trong năm trước	-	-	27.592.251.928	27.592.251.928
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>180.178.960.000</b>	<b>(30.000.000)</b>	<b>47.426.112.065</b>	<b>227.575.072.065</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>180.178.960.000</b>	<b>(30.000.000)</b>	<b>47.426.112.065</b>	<b>227.575.072.065</b>
- Tăng vốn trong kỳ này (*)	381.492.920.000	42.270.000.000		423.762.920.000
- Lãi trong kỳ này	-	-	44.732.655.525	44.732.655.525
- Chia cổ tức (**)	18.017.450.000	-	(18.017.450.000)	-
- Chi phí phát hành	-	(203.500.000)	-	(203.500.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>579.689.330.000</b>	<b>42.036.500.000</b>	<b>74.141.317.590</b>	<b>695.867.147.590</b>

(\*): Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu theo Tờ trình số 18/2020/KPF/TT- HĐQT ngày 20/3/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị đã được Đại hội cổ đông thông qua ngày 20/3/2020;

+ Cho cổ đông chiếm lược: Số lượng cổ phần: 2.113.500 cổ phần (tương đương 21.135.000.000 VND); Giá phát hành là 30.000 VND/CP; Thặng dư phát sinh: 42.270.000.000 VND.

+ Cho cổ đông hiện hữu: Số lượng cổ phần: 36.035.792 cổ phần (tương đương 360.357.920.000 VND); Giá phát hành là 10.000 VND/CP; tỷ lệ thực hiện quyền là 1:2.

(\*\*) Chia cổ tức từ nguồn lợi nhuận năm 2019 bằng cổ phiếu theo Tờ trình Đại hội cổ đông số 14/2020/KPF/TT- HĐQT ngày 20/03/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2021 thông qua. Tỷ lệ cổ tức là 10%

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	Số tiền (MG)	%	Số tiền (MG)	%
Vũ Đức Toàn	36.382.500.000	6,28%	33.075.000.000	18,36%
Các cổ đông khác	543.306.830.000	93,72%	147.103.960.000	81,64%
	<b>579.689.330.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>180.178.960.000</b>	<b>100,00%</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	180.178.960.000	180.178.960.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	399.510.370.000	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- <b>Vốn góp cuối kỳ</b>	<b>579.689.330.000</b>	<b>180.178.960.000</b>
- Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm:	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ:	18.017.450.000	-
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước:</i>	<i>18.017.450.000</i>	-
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận kỳ nay:</i>	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi bằng cổ phiếu	18.017.450.000	-
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước:</i>	<i>18.017.450.000</i>	-
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận kỳ nay:</i>	-	-
- <b>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ:</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	57.968.933	18.017.896
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	57.968.933	18.017.896
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>57.968.933</i>	<i>18.017.896</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57.968.933	18.017.896
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>57.968.933</i>	<i>18.017.896</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

**15. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Doanh thu Bất động sản (*)	25.000.000.000	-
	<b>25.000.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Đây là khoản doanh thu chuyển nhượng Hợp đồng hợp tác kinh doanh -Dự án Khu phức hợp và Nhà ở Phước Lợi (GDD1) số 0906/2021/HĐCN/KPF- CC giữa KPF và Công ty TNHH Đầu tư Central Capital.

Theo Hợp đồng, KPF sẽ chuyển nhượng toàn bộ quyền tham gia dự án cũng như quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến Hợp đồng Hợp tác kinh doanh của KPF vào dự án "Giai đoạn 1 Dự án Khu phức hợp và nhà ở Phước lợi tại thôn Phước Lợi, xã Phước Đồng, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa" mà công ty đã ký kết với Công ty CP Địa ốc Happy - là chủ đầu tư thực hiện dự án.

Tổng giá trị hợp đồng là 157.500.000.000 VND (bao gồm cả 130 tỷ là số tiền KPF đã chuyển cho công ty CP Địa ốc Happy).

**16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.434.535.696	1.483.036.877
- Cổ tức, lợi nhuận được chia (*)	22.315.350.000	16.787.284.884
- Doanh thu chuyển nhượng CCQ (**)	3.750.000.000	-
	<b>28.499.885.696</b>	<b>18.270.321.761</b>

(\*): Lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm theo Theo BB hợp Hội đồng thành viên ngày 08/03/2021 của Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm

(\*\*): Chuyển nhượng 1.500 chứng chỉ quỹ VVIF2020 theo Hợp đồng chuyển nhượng số 1003/2021/HĐMB/KPF-VINH-VVIF2020 ngày 10/3/2021 với ông Nguyễn Bách Bảo Vinh.

**17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Chi phí tài chính khác	168.000.000	-
	<b>168.000.000</b>	<b>-</b>

**18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC	5.978.495	86.597.413
- Chi phí nhân công	1.115.203.836	1.272.841.967
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	33.844.410	38.365.521
- Thuế, phí, lệ phí	3.550.000	4.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.211.336.732	567.620.838
- Chi phí khác bằng tiền	500.000.002	600.000.001
	<b>2.869.913.475</b>	<b>2.569.425.740</b>

## 19. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Nội dung	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	50.461.981.912	15.700.498.715
Các khoản điều chỉnh tăng	500.000.002	600.397.306
- Chi phí không hợp lệ	-	397.306
- Phụ cấp HĐQT không chuyên trách	500.000.002	600.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(22.315.350.000)	(16.787.284.884)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(22.315.350.000)	(16.787.284.884)
Thu nhập chịu thuế TNDN	28.646.631.914	(486.388,863)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>5.729.326.387</b>	<b>-</b>

## 20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.036.317.130		2.497.486.608	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	146.447.681.598	-	6.907.295.775	-
Các khoản cho vay	117.711.871.355		60.561.337.286	
	<b>267.195.870.083</b>	<b>-</b>	<b>69.966.119.669</b>	<b>-</b>

Nợ phải trả tài chính	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Vay và nợ	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	3.653.920.734	4.516.750.278
Chi phí phải trả	-	-
	<b>3.653.920.734</b>	<b>4.516.750.278</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

### Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

### Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số cuối năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.036.317.130			3.036.317.130
Phải thu khách hàng, phải thu khác	146.313.975.998	133.705.600		146.447.681.598
Các khoản cho vay	117.711.871.355	-		117.711.871.355
Đầu tư ngắn hạn	-			-
Đầu tư dài hạn				-
	<b>267.062.164.483</b>	<b>133.705.600</b>	<b>-</b>	<b>267.195.870.083</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.497.486.608			2.497.486.608
Phải thu khách hàng, phải thu khác	6.907.295.775	-		6.907.295.775
Các khoản cho vay	60.561.337.286	-		60.561.337.286
Đầu tư ngắn hạn	-			-
Đầu tư dài hạn				-
	<b>69.966.119.669</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>69.966.119.669</b>



### **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	3.653.920.734	-	-	3.653.920.734
Chi phí phải trả	-	-	-	-
	<b>3.653.920.734</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.653.920.734</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	4.516.750.278	-	-	4.516.750.278
Chi phí phải trả	-	-	-	-
	<b>4.516.750.278</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.516.750.278</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### **21. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Trong 6 tháng đầu năm 2021 công ty có thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Tổng số tiền là: 18.017.450.000 VND. Do vậy, trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, chỉ tiêu "Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH" và chỉ tiêu "Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu" sẽ không phản ánh số tiền này.

### **22. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc khóa sổ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này

### **23. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

#### **Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)**

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

#### **Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Hoạt động xây lắp	Hoạt động kinh doanh Bất động sản	Tổng
Doanh thu thuần ra bên ngoài		25.000.000.000	25.000.000.000
Chi phí bộ phận		-	-
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	-	<b>25.000.000.000</b>	<b>25.000.000.000</b>
<b>Các chi phí không phân bổ theo bộ phận</b>			<b>2.869.913.475</b>
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			22.130.086.525
Doanh thu hoạt động tài chính			28.499.885.696
Chi phí tài chính			168.000.000
Thu nhập khác			9.900
Chi phí khác			209
Thuế TNDN hiện hành			5.729.326.387
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>			<b>44.732.655.525</b>

#### 24. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

##### a. Thông tin các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công Ty Cổ Phần TTC Deluxe Sài Gòn	Công ty con từ tháng 4/2021
Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm	Công ty con

##### b. Giao dịch với bên liên quan

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Công Ty Cổ Phần TTC Deluxe SG</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	2.200.000.000
Thanh toán tiền DV đã cung cấp	2.200.000.000	-
<b>Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm</b>		
Lợi nhuận được chia	22.315.350.000	16.787.284.884
Cho vay	32.450.000.000	3.566.337.286
Hoàn trả gốc cho vay	3.566.337.286	
Lãi cho vay phát sinh	452.691.510	928.228.455

